

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **504/2020/HS-PT**

Ngày: 25-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Nhựt

Bà Thái Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Vũ Bảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 384/2020/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trần Đỗ Trọng L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 363/2020/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo kháng cáo: Họ và tên **Trần Đỗ Trọng L**, sinh năm: 1985, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: thợ trần thạch cao; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn L1 (đã chết) và bà Đỗ Thị P, sinh năm: 1946; Vợ Lê Thị Bé L2, sinh năm: 1985, có 02 con sinh đôi sinh năm: 2015; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Các bị cáo khác trong cùng vụ án là Lưu Văn H, Nguyễn Văn T, người bị hại ông Sầm Bùi Công V, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng T không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn H, Nguyễn Văn T và Trần Đỗ Trọng L là bạn chơi với nhau. Vào khoảng 02 giờ 00 ngày 03 tháng 11 năm 2019, T và H điều khiển xe mô tô hiệu Attila biển số 60F2-585.XX chở nhau đi ăn tối. Khi đi đến khu vực khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh Đồng Nai thì H phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 85H1-065.XX của anh Sầm Bùi Công V đang dựng trước dãy phòng trọ tại địa chỉ trên không có người trông coi, trên xe đang cắm chìa khóa, H liền rủ T lấy trộm chiếc xe trên thì được T đồng ý. Sau đó, T đứng bên ngoài cảnh giới, còn H lén lút tiếp cận và lấy trộm chiếc xe trên (bên trong cốp xe có đề 01 Giấy đăng ký xe biển số 85H1-065.XX và bản photo 01 Giấy chứng minh nhân dân, đều mang tên anh V), mang về phòng trọ của L tại địa chỉ khu phố D, phường E, thành phố F nhờ giữ giùm và có nói cho L biết về nguồn gốc chiếc xe là do H và T mới trộm cắp được, đồng thời H và T nhờ L bán chiếc xe này thì được L đồng ý. L dùng điện thoại di động hiệu Samsung (không nhớ chủng loại) của L rao bán chiếc xe trên mạng xã hội và dùng điện thoại gọi qua mạng xã hội chào bán chiếc xe trên cho người bạn tên Cô Nhi (không rõ họ tên thật và địa chỉ) nhưng người này không mua. Sau đó, do L không bán được xe nên T và H đã mang chiếc xe trên kèm theo Giấy đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân của anh V đến tiệm cầm đồ “T” (tại địa chỉ ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai) để cầm, tại đây T lấy tên của anh Sầm Bùi Công V cầm chiếc xe cho ông Đào Trọng T (sinh năm 1975, ngụ tại ấp J, xã H, huyện I, tỉnh Đồng Nai) là chủ tiệm, được số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), chia nhau mỗi người số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiêu xài. Đến ngày 04 tháng 11 năm 2019, qua xác minh H và T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt khẩn cấp, điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 85H1-065.XX, kèm theo 01 Giấy đăng ký xe biển số 85H1-065.XX; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Sầm Bùi Công V (bản photo); 01 Giấy hợp đồng cầm đồ (màu vàng, mực than), thu giữ của bị cáo T và 01 Giấy hợp đồng cầm đồ (màu trắng, mực in đỏ) thu giữ của anh Đào Trọng T, đều có nội dung ghi cầm chiếc xe 85H1-065.XX; Số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thu giữ của bị cáo T và số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu, bảy trăm nghìn đồng), thu giữ của bị cáo H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 515/TCKH-HĐĐG ngày 10 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Airblade biển số 85H1-065.XX; đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 80%, trị giá 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng)”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 363/2020/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điều 58 Bộ

luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Lưu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lưu Văn H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; Điều 15; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 57 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Trần Đỗ Trọng L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo Trần Đỗ Trọng L 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, bị cáo L có đơn kháng cáo về hình phạt của bản án sơ thẩm, đề nghị được hưởng án treo.

Các bị cáo H, T không kháng cáo

Bị cáo L không tranh luận với ý kiến của Kiểm sát viên.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo 05 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết, chứng cứ mới.

Từ phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, giao nộp thêm Đơn xin xác

nhận ngày 23 tháng 12 năm 2020 có xác nhận của Công an xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai về việc thường trú tại địa phương.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đỗ Trọng L khai nhận hành vi phạm tội đúng như mô tả tại bản án sơ thẩm, thể hiện: Vào khoảng 02 giờ ngày 03 tháng 11 năm 2019, tại khu vực khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh Đồng Nai các bị cáo Lưu Văn H, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Airblade biển số 85H1-065.XX của anh Sầm Bùi Công V. Sau đó, H và T đưa xe cho L nhờ tiêu thụ, biết rõ xe trên là do trộm cắp mà có nhưng L vẫn đăng hình xe lên mạng, chào bán cho người khác nhưng không có người mua. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và áp dụng hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt để quyết định mức hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Mức hình phạt 05 tháng tù là đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua các tình tiết của vụ án đã được cấp sơ thẩm đánh giá, đơn kháng cáo và xác nhận của Công an xã B, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy bị cáo Trần Đỗ Trọng L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thuộc thành phần lao động nghèo. Đối với bị cáo L không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội vẫn có thể tự cải tạo. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn về án treo.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời hạn thử thách theo luật định.

[4] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về các tình tiết trong vụ án. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Kiểm sát viên không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đỗ Trọng L, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 363/2020/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, Điều 15, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt: bị cáo Trần Đỗ Trọng L 05 (năm) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp tỉnh, huyện;
- TAND cấp sơ thẩm;
- Sở Tư pháp;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV06- Công an tỉnh;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sự